

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2021
(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng
kinh phí NSNN)

ĐV tính: đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
A	Dự toán thu		
1	Tổng số thu	0	
1	Thu phí, lệ phí	0	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0	
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)		
4	Thu sự nghiệp khác	0	
	Tiền bán trả:	0	
	+ Phục vụ phí bán trả		
	+ Tiền ân		
II	Số thu nộp NSNN		
1	Phí, lệ phí		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	390,750,000	
3	Hoạt động sự nghiệp khác	0	
III	Số được để lại chi theo chế độ	0	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6,177,365,726	
1	Loại 490, khoản 492; Nguồn KP tự chủ	5,168,327,784	
2.1	Chi lương	1,379,278,215	
2.2	Trích nộp BHXH, YT, TN	1,498,744,911	
2.2.1	Trích nộp BHXH	1,221,227,588	
2.2.2	Trích nộp BHYT	209,240,166	
2.2.3	Trích nộp BHTN	68,277,157	
2.3	Kinh phí công đoàn	135,662,997	
2.4	Chi hoạt động và mua sắm, sửa chữa cơ sở vật	2,154,641,661	
2.4.1	Thanh toán tiền điện	140,964,370	
2.4.3	Vật tư văn phòng	129,103,500	
2.4.4	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	27,805,329	
2.4.5	Hội nghị	2,200,000	
2.4.6	Công tác phí	171,210,000	
2.4.7	Thuê mượn	73,860,000	
2.4.8	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và	163,214,000	
2.4.9	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	1,108,534,462	
2.4.10	Chi khác	7,750,000	
2.4.11	Chi trích lập các quỹ	330,000,000	
C	Nguồn kinh phí không tự chủ	1,009,037,942	
1	Chi thanh toán cá nhân	527,836,902	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	423,542,040	
3	Chi mua sắm, sửa chữa lớn	0	
4	Chi khác	57,659,000	

Ngày 02 tháng 03 năm 2023

Hiệu trưởng
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH
Nguyễn Thế Cường

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN,
NGUỒN KHÁC NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu	0	
1	Thu phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)		
4	Thu sự nghiệp khác	0	
	Thu quỹ bán trú	0	
	Trong đó: Tiền Phục vụ phí bán trú		
	Tiền ăn bán trú		
II	Số thu nộp NSNN	390,750,000	
1	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)	390,750,000	
3	Hoạt động sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)		
III	Số được để lại chi theo chế độ	1,663,760,034	
1	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	608,265,485	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)	1,055,494,549	
	Chi quỹ bán trú	0	
2.1	Phục vụ phí bán trú:	0	
a	Chi lương	-	
b	Trích nộp BHXH, YT, TN	-	
c	Chi hoạt động và mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất	0	
c1	Thanh toán dịch vụ công cộng		
c1.1	Thanh toán tiền điện	-	
c1.2	Thanh toán tiền nước	-	
c1.3	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	-	
c1.4	Khác	-	
c2	Chi đoàn vào	-	
c2.1	Phí, lệ phí liên quan	-	
c3	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy	-	
c3.1	Đường điện, cấp thoát nước	-	
c3.2	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	-	
c4	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	-	
c4.1	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn của từng	-	
c4.2	Chi mua, in ấn, phô tô tài liệu chi dùng cho chuyên môn	-	
c4.3	Đồng phục, trang phục	-	
c4.4	Chi phí khác	-	
2.2	Chi tiền ăn	0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		
1	Loại 490, khoản 492	-	
	Kinh phí tự chủ		
1	Tiền lương		



1.2	Lương khác		
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp		
2.1	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		
3	Phụ cấp lương		
3.1	Phụ cấp chức vụ		
3.2	Phụ cấp khu vực		
3.3	Phụ cấp thêm giờ		
3.4	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm		
3.5	Phụ cấp ưu đãi nghề		
3.6	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		
3.7	Phụ cấp thâm niên nghề		
3.8	Phụ cấp thâm niên vượt khung		
4	Phúc lợi tập thể		
4.1	Tiền tàu xe nghỉ phép năm	-	
4.2	Tiền nước uống		
5	Các khoản đóng góp		
5.1	Bảo hiểm xã hội	-	
5.2	Bảo hiểm y tế		
5.3	Kinh phí công đoàn		
5.4	Bảo hiểm thất nghiệp		
6	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		
6.1	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc,		
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	-	
7.1	Thanh toán tiền điện		
7.2	Thanh toán tiền nước		
8	Vật tư văn phòng	-	
8.1	Văn phòng phẩm		
8.2	Khoản văn phòng phẩm		
8.3	Vật tư văn phòng khác		
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	-	
9.1	Cước phí điện thoại trong nước		
9.2	Khác		
10	Công tác phí	-	
10.1	Tiền vé máy bay, tàu, xe		
10.2	Phụ cấp công tác phí		
10.3	Tiền thuê phòng ngủ		
10.4	Khoản công tác phí		
11	Chi phí thuê mướn		
11.1	Thuê đào tạo lại cán bộ		
12	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy	-	
12.1	Nhà cửa		
12.2	Thiết bị tin học		
13	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	-	
13.1	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn của từng		
14	Chi khác	-	
14.1	Chi các khoản khác		
15	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	-	
15.1	Tài sản khác		
	Kinh phí không tư chủ	0	
2	Chi hỗ trợ chi phí học tập		
C	Loại ..., khoản ...		
	Quyết toán chi nguồn khác		

* **Ghi chú:** Quyết toán chi nguồn NSNN bao gồm cả nguồn viện trợ



Ngày 02 tháng 03 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Thế Cường